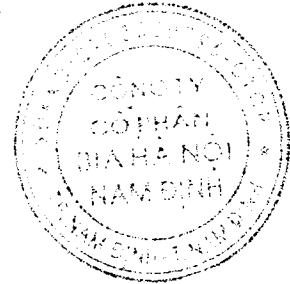
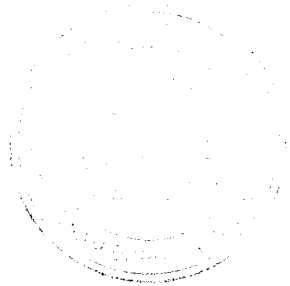


CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - NAM ĐỊNH

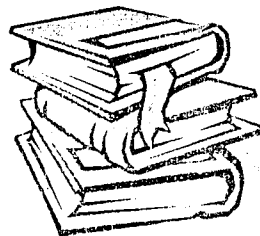
Số 5 đường Thái Bình - thành phố Nam Định

Điện thoại: (0350)647.749 - 648.526

Fax: (0350)642.199



ĐIỀU LỆ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - NAM ĐỊNH



Tháng 4 năm 2007

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI-NAM ĐỊNH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH 11 ngày 29/11/2005.

- Quyết định số 15/ 1998/ QĐ/ BNN - TCCB, ngày 18 tháng 01 năm 1999 của Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn phê duyệt phương án cổ phần hóa và Quyết định chuyển Xí nghiệp chế biến và kinh doanh lương thực - thực phẩm Nam Hà thành Công ty cổ phần.

- Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Ba Lan đã được Đại hội cổ đông Công ty thông qua tháng 11 năm 2004 cũng như tình hình thực tế của Công ty

- Căn cứ công văn số 203/ BCN-TCCB của Bộ Công nghiệp ngày 11 tháng 01 năm 2006 về việc đồng ý để Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Ba Lan với tỷ lệ chi phối để Công ty cổ phần Ba Lan trở thành Công ty con của Tổng Công ty.

- Căn cứ Công văn số 464/QĐ HĐQT - TCLĐ ngày 13/06/2005 của Tổng Công ty lương thực Miền Bắc đồng ý để Công ty cổ phần Ba Lan là thành viên của Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội

- Căn cứ nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Ba Lan ngày 14 tháng 3 năm 2007 về việc gọi thêm vốn đầu tư để phát triển sản xuất giai đoạn 2007-2010 đối với Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

- Căn cứ công văn số 127/ CV- HĐQT của Tổng công ty Bia- Rượu - Nước giải khát Hà Nội ngày 04 tháng 4 năm 2007 về việc góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Ba Lan.

Chúng tôi những cổ đông tham dự Đại hội cổ đông ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Công ty cổ phần Ba Lan, đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Phân giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. *Công ty* là Công ty Cổ phần Bia Hà Nội-Nam Định.
- 1.2. *Luật doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005, có hiệu lực vào ngày 01/7/2006.
- 1.3. *Luật doanh nghiệp năm 1999* là Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 được Quốc hội thông qua ngày 12/6/1999.
- 1.4. *Kinh doanh* là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.
- 1.5. *Vốn điều lệ* là số vốn do các Cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ Công ty.
- 1.6. *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- 1.7. *Cổ đông* là người sở hữu ít nhất một Cổ phần đã phát hành của Công ty Cổ phần.
- 1.8. *Cổ đông sáng lập* là Cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty Cổ phần. Danh sách cổ đông sáng lập được lập tại Phụ lục số I Điều lệ này.
- 1.9. *Người quản lý Công ty* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng đơn vị, Trưởng văn phòng đại diện, Trưởng chi nhánh thuộc Công ty.
- 1.10. *Người đại diện theo ủy quyền* là cá nhân được Cổ đông là tổ chức của Công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

- 1.11. **Công ty mẹ** của Công ty khác nếu thuộc một trong các là Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số Cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty đó và thực hiện quyền chi phối theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- 1.12. **Tổ chức lại Công ty** là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
- 1.13. **Người có liên quan** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
- a) Công ty mẹ, người quản lý Công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với Công ty con.
 - b) Công ty con đối với Công ty mẹ.
 - c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty đó thông qua các cơ quan quản lý Công ty.
 - d) Người quản lý doanh nghiệp.
 - e) Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên, Cổ đông sở hữu phần vốn góp hay Cổ phần chi phối.
 - f) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d của Điều 1.13 Điều lệ này.
 - g) Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h Điều 1.13 Điều lệ này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó.
 - h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm Cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc chi phối việc ra quyết định của Công ty.
- 1.14. **Phần vốn góp sở hữu nhà nước** là phần vốn góp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn khác của Nhà nước do một cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức kinh tế làm đại diện chủ sở hữu.
- 1.15. **Cổ phần sở hữu nhà nước** là Cổ phần được thanh toán bằng vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn khác của Nhà nước do một cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức kinh tế làm đại diện chủ sở hữu.
- 1.16. **Giá thị trường của Cổ phần** là giá giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.

1.17. **Địa chỉ thường trú** là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc địa chỉ nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên hệ.

Điều 1. Tên, hình thức của Công ty

1. Tên Công ty:

1.1. Tên chính thức: **Công ty Cổ phần Bia Hà nội- Nam Định**
(dưới đây gọi tắt là “Công ty”)

1.2. Tên giao dịch quốc tế: **Hanoi- Nam Định Beer Jontstock Company**

1.3. Tên viết tắt: **HANABECO**

2. Hình thức của Công ty:

2.1. Công ty Cổ phần Bia Hà nội- Nam Định là Công ty cổ phần được tái cơ cấu trên cơ sở Công ty cổ phần Ba Lan dựa trên cơ sở tự nguyện cùng góp vốn của các cổ đông thể nhân/ cổ đông pháp nhân và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 29/11/2005.

2.2. Công ty có tư cách pháp nhân độc lập theo pháp luật Việt Nam.

Điều 2. Trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty

1. Trụ sở của Công ty:

1.1. Công ty có trụ sở đăng ký tại:

Địa chỉ: Số 5 Đường Thái bình, thành phố Nam Định , tỉnh Nam Định

Điện thoại: (0350) 674749 - 648526

Fax: (0350) 642199

Email:

Website:

1.2. Căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty có thể thay đổi trụ sở theo quyết định của Hội đồng quản trị và thực hiện các thủ tục về thay đổi trụ sở Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện của Công ty

Công ty có thể thành lập chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện trên lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động

1.1 Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

1.2 Công ty có thể có các mục tiêu khác trong quá trình hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

1.1. Công ty Cổ phần kinh doanh các ngành nghề sau:

- Sản xuất, kinh doanh các loại bia, cồn, rượu và nước giải khát.
- Sản xuất, kinh doanh lương thực, thực phẩm.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch.
- Nhượng bán cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất.
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Đại lý tiêu thụ sản phẩm.
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2. Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho cổ đông.

3. Công ty có thể bổ sung ngành nghề, loại hình hoạt động kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 5. Thời gian hoạt động của Công ty

1. Thời gian hoạt động của Công ty: 30 năm

Công ty có hiệu lực hoạt động pháp lý kể từ ngày được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Chấm dứt hoạt động của Công ty

2.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- 2.1.1. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn.
- 2.1.2. Tòa án tuyên bố Công ty đã phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 2.1.3. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 2.1.4. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2.2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền.

3. Gia hạn hoạt động của Công ty

3.1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

3.2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông tán thành việc gia hạn này.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động của Công ty

Công ty hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc sau:

1. Tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Đảm bảo nguồn tài chính trong cam kết kinh doanh với khách hàng.
3. Đảm bảo có quy chế tổ chức nội bộ chặt chẽ, tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với nhân viên của Công ty, giữa Hội đồng quản trị với các cổ đông, giữa các cổ đông với nhau. Tổ chức và thực hiện thường xuyên công tác thanh tra, kiểm soát nội bộ các hoạt động của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc và nhân viên của Công ty nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật.
4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành các quy chế nội bộ cụ thể để đảm bảo cơ chế thực hiện có hiệu quả các nguyên tắc hoạt động quy định tại Điều này.

Điều 7. Quyền của Công ty

Công ty có các quyền sau:

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;
2. Chủ động lựa chọn loại hình hoạt động kinh doanh, địa bàn hoạt động kinh doanh, liên doanh góp vốn vào các doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và loại hình hoạt động kinh doanh;
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, tìm kiếm khách hàng và ký kết hợp đồng với khách hàng;
4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn;
5. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG

A. VỐN:

Điều 10. Vốn điều lệ – Việc tăng giảm vốn điều lệ

1. Mức vốn điều lệ

1.1. Vốn điều lệ của Công ty là: **20.000.000.000 đồng** (Hai mươi tỷ đồng chẵn)

1.2. Cơ cấu vốn điều lệ:

Vốn thuộc sở hữu các cổ đông : **20.000.000.000 đồng**

Chiếm 100% vốn điều lệ

1.3. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành **2.000.000 cổ phần**, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười ngàn đồng).

1.4. Loại cổ phần:

+ Cổ phần phổ thông: **2.000.000 cổ phần**

+ Cổ phần ưu đãi: **0 cổ phần**

2. Việc tăng, giảm vốn điều lệ:

Công ty chỉ có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2.1. Việc tăng vốn điều lệ có thể được thực hiện thông qua việc: tích lũy lợi nhuận mà Công ty thu được, các cổ đông đầu tư vốn bổ sung, phát hành thêm cổ phiếu, gọi thêm các cổ đông mới.

2.2. Việc giảm vốn điều lệ Công ty được quyết định trên cơ sở vốn còn lại của Công ty nhưng vẫn đảm bảo Công ty hoạt động bình thường.

Điều 11. Vốn vay và các loại vốn khác

Tùy thuộc vào tình hình hoạt động, Công ty có thể huy động các loại vốn khác vào kinh doanh song phải đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả và không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

B. CỔ PHẦN - CHUYỂN NHƯỢNG, THỪA KẾ, CHÀO BÁN, MUA LẠI CỔ PHẦN - PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Điều 12. Loại cổ phần

1. Vào thời điểm đăng ký kinh doanh, Công ty có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông.
2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể phát hành thêm các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 13: Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần

1. Cổ phần được chuyển nhượng theo quy định sau:

1.1 Cổ phần thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian đương nhiệm không được phép chuyển nhượng. (Trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận, thành viên chuyển nhượng cổ phiếu không được tham gia bỏ phiếu, nếu tỷ lệ phiếu bằng nhau thì quyết định sẽ thuộc về bên có lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

1.2 Cổ phần phổ thông của các cổ đông còn lại được quyền tự do chuyển nhượng.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần chỉ có giá trị pháp lý sau khi được Công ty hoặc đơn vị được ủy quyền quản lý cổ đông xác nhận. Người không phải là cổ đông hiện hữu của Công ty khi nhận được quyền chuyển nhượng cổ phần chỉ trở thành cổ đông của Công ty sau khi đã đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông và hoàn thành các thủ tục theo quy chế chuyển nhượng do Hội đồng quản trị ban hành tại khoản 3 của Điều này hoặc tuân thủ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy chế và các thủ tục, mẫu biểu cụ thể để thực hiện các quy định chuyển nhượng tại Điều này.

4. Thừa kế cổ phần

1.1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty thừa nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:

- Người thừa kế duy nhất theo luật định.
- Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
- Người thừa kế của cổ đông quá cố có nghĩa vụ chứng minh rằng mình có quyền được hưởng quyền thừa kế theo quy định của pháp luật.

1.2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Điều 14. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
 - Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
 - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả số cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
 - 2.1. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
 - 2.2. Thông báo phải có:
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy CMND/ hộ chiếu hoặc giấy chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức.
 - Số cổ phần, tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.
 - Tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua.
 - Giá chào bán cổ phần, thời hạn đăng ký mua.
 - Họ, tên, chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - Kèm theo mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành.

Thời hạn từ khi gửi thông báo cho cổ đông (tính theo thời hạn ghi trên phong bì gửi đi) cho đến thời hạn cuối cùng để cổ đông gửi Phiếu đăng ký mua cổ phần quy định tại bản thông báo tối thiểu là ba mươi ngày.

 - 2.2.1. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

2.2.2. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua.

Số cổ phần dự định phát hành chưa được đăng ký mua sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị được quyền quyết định một trong các phương thức sau:

+ Lựa chọn đối tượng để phân phối số cổ phần đó với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho cổ đông hiện hữu.

+ Bán cổ phần qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao chứng chỉ cổ phiếu hoặc sổ cổ đông cho người mua.

5. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật và chứng khoán.

Việc chào bán cổ phần riêng lẻ thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Chính phủ.

Điều 15. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1.1. Các trường hợp cổ đông được quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần:

1.1.1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty.

1.1.2. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này.

1.2. Thủ tục yêu cầu Công ty mua lại cổ phần:

1.2.1. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của cổ đông phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại.

1.2.2. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại các điểm 1.1.1 và 1.1.2 Khoản 1 của Điều này.

1.3. Nghĩa vụ của Công ty khi nhận được yêu cầu mua lại cổ phần:

1.3.1. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu mua lại cổ phần quy định tại Điều này, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu

của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được xác định theo thỏa thuận giữa cổ đông đó và Hội đồng quản trị.

- 1.3.2. Trường hợp không thỏa thuận được về giá, cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

- 2.1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán trong mỗi mười hai tháng do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định.
- 2.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần theo nguyên tắc giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm 2.3 khoản 2 của Điều này.
- 2.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ có trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Thông báo phải có các nội dung sau:
 - 2.3.1. Tên, trụ sở của Công ty.
 - 2.3.2. Tổng số cổ phần mua lại.
 - 2.3.3. Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại.
 - 2.3.4. Thời hạn và thủ tục thanh toán.
 - 2.3.5. Thời hạn và thủ tục để cổ đông đăng ký bán cổ phần cho Công ty: cổ đông phải gửi đăng ký bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày thông báo.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

- 3.1. Công ty chỉ được thanh toán cổ phần mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 1 và 2 điều này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 3.2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
- 3.3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó

cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Điều 16. Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:
 - 2.1 Không thanh toán đủ cả gốc lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó.
 - 2.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của công ty của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm 2.1 và 2.2 khoản này.
3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

C. CỔ PHIẾU, SỐ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG.

Điều 17. Cổ phiếu

Chứng chỉ do Công ty phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu.

Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, các cổ phiếu của Công ty thể hiện dưới hai hình thức: chứng chỉ cổ phiếu hiện tại đối với cổ đông cũ và bút toán ghi sổ đối với các cổ đông mới. Công ty có thể phát hành chứng chỉ cổ phiếu theo mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính nếu cần thiết và phải được chấp thuận của Hội đồng quản trị.

Cổ phiếu của Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, trụ sở Công ty.
- Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
- Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá cổ phần ghi trên cổ phiếu.

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức.
- Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
- Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
- Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có nội dung chủ yếu sau:
 - 2.1. Tên, trụ sở Công ty;
 - 2.2. Tổng số cổ phần được quyền chào bán;
 - 2.3. Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - 2.4. Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
 - 2.5. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy CMND hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức.
 - 2.6. Số lượng cổ phần từng loại cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Công ty hoặc nơi khác theo quy định của pháp luật, nhưng phải được thông báo cho tất cả các cổ đông biết.

D. CỔ ĐÔNG.

Điều 19. Cổ đông

Cổ đông của Công ty là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Điều 20. Cổ đông sáng lập của Công ty

Cổ đông sáng lập của công ty là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua ký tên vào Bản Điều lệ đầu tiên của công ty cổ phần. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.

Điều 21. Quyền của cổ đông.

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- 1.1. Cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền sở hữu từ 0,15% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Các cổ đông khác có quyền ủy quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - 1.2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty và được chuyển nhượng quyền ưu tiên mua số cổ phần phổ thông đó cho người khác khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.
 - 1.4. Kiểm tra các thông tin liên quan đến các cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
 - 1.5. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.6. Trong trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi.
 - 1.7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:
- 2.1. Đề cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; nếu tổng số cổ phần phổ thông chiếm từ trên 10% đến dưới 20% thì được quyền đề cử 01 thành viên; nếu chiếm từ 20% đến dưới 40% thì được quyền đề cử 02 thành viên; nếu chiếm từ trên 40% trở lên thì được quyền đề cử 03 thành viên. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên được quyền đề cử theo Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đề cử.
 - 2.2. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.

- 2.3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 điều này.
 - 2.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, vấn đề cần kiểm tra; mục đích kiểm tra;
 - 2.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 của Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- 3.1. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
 - 3.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
 - 3.3. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải ghi rõ:
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với các cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.
 - Số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty.
 - Căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
4. Cổ đông là tổ chức có quyền đề cử một người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được xác nhận về việc sở hữu cổ phần. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau:
- Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày ra quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông.
 - Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty.
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND/ Hộ chiếu/ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền.
 - Số cổ phần được ủy quyền đại diện.

- Thời hạn đại diện theo ủy quyền.
- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 22. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông của Công ty có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
2. Tuân thủ điều lệ và quy chế quản lý nội bộ Công ty.
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.
5. Phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - 5.1. Vi phạm pháp luật.
 - 5.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - 5.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 23. Cơ cấu tổ chức, quản trị công ty

Cơ cấu tổ chức và quản trị công ty gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Giám đốc.
4. Ban Kiểm soát.

A. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 24. Quy định chung

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
2. Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thường niên hoặc có thể tổ chức bất thường.

Điều 25. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - 1.1. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.
 - 1.2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá thực trạng quản lý kinh doanh ở Công ty và định hướng chiến lược kinh doanh.
 - 1.3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.
 - 1.4. Lựa chọn Công ty kiểm toán và yêu cầu kiểm toán lại.
 - 1.5. Định hướng phát triển của Công ty.
 - 1.6. Báo cáo của Ban Giám đốc về kế hoạch phát triển kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
 - 1.7. Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - 1.8. Báo cáo của các kiểm toán viên khi cần thiết.
2. Ra quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - 2.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.
 - 2.2. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần với điều kiện mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội.
 - 2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
 - 2.4. Chế độ tiền lương, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
 - 2.5. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông.
 - 2.6. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty, từ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty.
 - 2.7. Tổ chức lại và giải thể Công ty.

- 2.8. Việc đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- 2.9. Việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- 2.10. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

Điều 26. Thẩm quyền và các trường hợp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập họp ít nhất mỗi năm một lần tại địa điểm do Hội đồng quản trị lựa chọn trong lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi ngày, kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - 3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - 3.2. Số thành viên hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.
 - 3.3. Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này. Văn bản phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký.
 - 3.4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
 - 3.5. Các trường hợp khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Trong trường hợp Hội đồng quản trị không thực hiện nghĩa vụ nêu tại khoản 3 điều này thì trong ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát sẽ thay thế Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Trong trường hợp Ban kiểm soát không thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Công ty có nghĩa vụ thanh toán tất cả các chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:
 - 1.1. Chuẩn bị xong danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và thẻ biểu quyết chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu phù hợp với pháp luật và Điều lệ; quy chế nội bộ của Công ty.

- 1.2. Ấn định thời gian và địa điểm họp Đại hội.
- 1.3. Thông báo mời họp hoặc gửi giấy mời họp cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự họp theo mục 1.1 khoản 1 điều 21 của điều lệ này chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội.
2. Kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết và các tài liệu, thông tin cần biết về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.
3. Thông báo mời họp, giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho các cổ đông bằng một trong các cách sau:
 - 3.1. Thông báo công khai trên ba số báo ngày liên tiếp của một tờ báo trung ương và một tờ báo địa phương nơi Công ty đặt trụ sở chính;
 - 3.2. Chuyển tận tay;
 - 3.3. Gửi qua đường bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông hoặc tới địa chỉ (bao gồm cả địa chỉ nhận thư điện tử hay số fax) mà cổ đông cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.
4. Nếu Công ty có website, thông báo Đại hội đồng cổ đông cũng phải được gửi lên website của Công ty cùng lúc với việc gửi thông báo mời họp, giấy mời họp đến các cổ đông.

Điều 28. Quyền dự họp và quyền ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông phổ thông của Công ty cổ phần quy định tại mục 1.1 khoản 1 Điều 21 của Điều lệ này đều có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng vẫn có quyền tự mình hay ủy quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
2. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền phải là cổ đông của Công ty.
3. Văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập theo mẫu chung thống nhất hoặc mẫu khác đã được Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận và:
 - 3.1. Nếu người ủy quyền là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải do chính người ủy quyền hoặc người đại diện hợp pháp của người ủy quyền ký;
 - 3.2. Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì văn bản ủy quyền phải do người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó ký và đóng dấu của tổ chức ủy quyền.

Điều 29. Thay đổi chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản, trong đó ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng cổ phần mà cổ đông nắm giữ, nội dung đề xuất đưa vào chương trình họp, và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được quyền từ chối đưa những đề xuất liên quan đến khoản 1 của điều này vào dự kiến chương trình họp nếu:
 - 2.1. Đề xuất không được gửi đến đúng thời hạn quy định;
 - 2.2. Văn bản đề xuất không có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;
 - 2.3. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên.
 - 2.4. Những đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Các đề xuất của cổ đông theo đúng quy định tại Điều 1 chỉ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 30. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định khoản 2 Điều này thì cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lần thứ ba trong vòng hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại điều 27 của Điều lệ này.

Điều 31. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

- 1.1. Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì các thành viên còn lại bầu ra một người làm chủ tọa của Đại hội. Trường hợp bầu chủ tọa Đại hội đồng cổ đông, tên của các ứng cử viên và số phiếu bầu cho mỗi người trong số họ phải được công bố.
- 1.2. Chủ tọa được bầu của Đại hội để cử một thư ký để lập biên bản Đại hội.
- 1.3. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
2. Trước ngày tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành đầy đủ đảm bảo cho mọi cổ đông có quyền dự họp được đăng ký.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dùng Đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các vấn đề đã biểu quyết sẽ không bị ảnh hưởng bởi sự đăng ký của cổ đông đến muộn.
4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp thẻ biểu quyết cho mỗi cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết của Đại hội sẽ được tiến hành thông qua thẻ biểu quyết.
5. Mọi vấn đề về trật tự, thủ tục hoặc các sự việc xảy ra ngẫu nhiên ngoài chương trình của Đại hội sẽ do chủ tọa Đại hội quyết định.
6. Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp phải chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh thích hợp. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các biện pháp để:
 - 6.1. Điều chỉnh địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - 6.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Chủ tọa Đại hội có thể hoãn cuộc họp đến thời gian và địa điểm thích hợp nếu thấy:
 - 7.1. Các thành viên tham dự cuộc họp không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội.
 - 7.2. Hành vi của những người có mặt làm ngăn cản hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.
 - 7.3. Sự trì hoãn trên là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
8. Trường hợp chủ tọa tạm hoãn hoặc tạm dừng Đại hội cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội cổ đông bầu một người khác trong số thành viên Hội đồng quản trị thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - 1.1. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.2. Chương trình làm việc;
 - 1.3. Chủ tọa và thư ký;
 - 1.4. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.5. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; số phiếu trắng và số phiếu trắng; các vấn đề đã được thông qua;
 - 1.6. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
 - 1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - 1.8. Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Phương thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của Đại hội cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:
 - 2.1. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - 2.2. Đối với quyết định về loại cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - 2.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
5. Căn cứ vào biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị phải công bố đến tất cả các cổ đông nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nêu rõ những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông chậm nhất mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc ngày hết hạn gửi ý kiến bằng văn bản.

Điều 34. Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và tuyên bố hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có năm thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ lựa chọn. Chỉ có cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này có quyền đề cử người để Đại hội cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 36. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- 2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 2.2. Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- 2.3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- 2.4. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- 2.5. Quyết định mua lại cổ phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;
- 2.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 2.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Hợp đồng và giao dịch thuộc quy định tại theo quy định tại Điều 59 của Điều lệ này;
- 2.8. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- 2.9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với giám đốc và người quản lý khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định mức lương, và lợi ích khác của người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của người đó.
- 2.10. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- 2.11. Ban hành quy chế quản lý tài chính để phân cấp, phân quyền quản lý tài chính cho Giám đốc điều hành, Phó giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các thành viên khác trong Ban lãnh đạo;
- 2.12. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- 2.13. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- 2.14. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- 2.15. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;
- 2.16. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- 2.17. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - 2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 2.2. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 2.3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.4. Theo dõi, chỉ đạo quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.5. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.6. Có quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 38. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau:
 - 1.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - 1.2 Là cổ đông của Công ty hoặc đại diện cổ đông pháp nhân;
 - 1.3 Có trình độ Đại học, trình độ chuyên môn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
 - 1.4 Có thâm niên công tác ít nhất là 5 năm trong vị trí quản lý hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - 1.5 Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;
 - 1.6 Không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ.

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - 2.1 Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - 2.2 Có đơn xin từ chức;
 - 2.3 Buộc phải chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - 2.4 Vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không được phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định rằng công việc và chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - 2.5 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - 4.1 Yêu cầu Giám đốc, các cán bộ quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty; người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu;
 - 4.2 Được nhận thù lao cho công việc mà họ thực hiện với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội cổ đông
 - 4.3 Được thanh toán tất cả chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí khác liên quan tới việc thực hiện trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị;
 - 4.4 Được chỉ định thành viên khác trong Hội đồng quản trị hay người được Hội đồng quản trị chấp nhận thay thế mình tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong những trường hợp cần thiết. Việc chỉ định người thay thế phải được lập bằng văn bản có chữ ký của người chỉ định và được gửi tới trụ sở chính của Công ty trước khi cuộc họp Hội đồng quản trị khai mạc.

Điều 39. Thời hạn họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị phải được tổ chức trong vòng bảy ngày làm việc sau ngày bầu Hội đồng quản trị. Ngay sau khi được bầu, các thành viên Hội đồng quản trị phải thương lượng hoặc cử một thành viên để chuẩn bị chương trình, thời gian và địa điểm của cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần; Hội đồng quản trị có thể họp bất thường khi cần thiết. Địa điểm họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

Điều 40. Cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được trì hoãn khi có một trong các trường hợp sau đây:

1.1. Đề nghị bằng văn bản của Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý khác của Công ty;

1.2. Đề nghị bằng văn bản của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;

1.3. Đề nghị bằng văn bản của Ban kiểm soát;

1.4. Đề nghị bằng văn bản của Kiểm toán viên (để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty).

Đề nghị nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức trong vòng mười lăm ngày sau ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị nhận được yêu cầu họp của những người nêu tại khoản 1 Điều này. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị trong thời hạn này, những người đưa ra yêu cầu họp có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 41. Thông báo họp và chương trình họp

Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác được Hội đồng quản trị chấp thuận. Trước ngày khai mạc cuộc họp năm ngày làm việc, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo triệu tập họp tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị. Thông báo phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải được gửi kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 42. Yêu cầu về số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp

Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên tham dự.

Điều 43. Quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có mặt tại cuộc họp hoặc người được thành viên đó chỉ định thay thế dự họp có một phiếu biểu quyết.

2. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về các quyết định của Hội đồng quản trị qua phương thức gửi ý kiến bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt được coi là "có dự họp" đối với những vấn đề đã gửi ý kiến bằng văn bản.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nào có lợi ích trong những hợp đồng hoặc trong các giao dịch hay trong bất kỳ một đề xuất nào mà lợi ích này có thể xung đột với lợi ích chung của Công ty sẽ không được biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Trong trường hợp nêu tại khoản 3 Điều này, thành viên nào có lợi ích liên quan đến vấn đề cần biểu quyết không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của mình do bản chất hoặc do mức độ lợi ích của thành viên liên quan chưa được làm rõ một cách thích đáng thì quyền biểu quyết của thành viên đó sẽ do Chủ tọa cuộc họp quyết định.

Điều 44. Tuyên bố lợi ích của thành viên liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị

Thành viên của Hội đồng quản trị, dù trực tiếp hay gián tiếp quan tâm đến một hợp đồng hay một giao dịch dự định của Công ty, phải tuyên bố bản chất, nội dung của mối quan tâm đó trong cuộc họp Hội đồng quản trị khi việc ký kết hợp đồng hay giao dịch đó lần đầu tiên được đưa ra xem xét tại Hội đồng quản trị.

Điều 45. Phương thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

1. Quyết định được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp

Trường hợp thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp thì quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Nếu số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Quyết định được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

3. Quyết định được thông qua trên điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác.

Trường hợp thông qua quyết định trên điện thoại hoặc trên các phương tiện thông tin khác thì quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị đều phải được ghi lại bằng những bằng chứng xác thực.

4. Ban hành quyết định của Hội đồng quản trị.

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản hoặc những bằng chứng xác thực khác, Hội đồng quản trị phải ban hành nghị quyết, quyết định bằng văn bản về những vấn đề đã được thông qua.

Điều 46. Hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và tuyên bố hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục thông qua quyết định không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này;
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 47. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:
 - 1.1. Thời gian và địa điểm họp;
 - 1.2. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - 1.3. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - 1.4. Chủ tọa và thư ký;
 - 1.5. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết, kết quả biểu quyết;
 - 1.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của các thành viên tại cuộc họp;
 - 1.7. Các quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua;
 - 1.8. Chữ ký có ghi rõ họ tên của tất cả thành viên dự họp.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp, Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

C. GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 48. Quy định chung

1. Giám đốc do Hội đồng quản trị bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc họp đồng thuê.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, là đại diện theo pháp luật của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm năm; có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 49. Giám đốc

Giám đốc Công ty phải đáp ứng các điều chuẩn sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
2. Đã tốt nghiệp đại học;
3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

4. Có ít nhất năm năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty;
5. Không đồng thời làm Giám đốc của doanh nghiệp khác;
6. Không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ.

Điều 50. Quyền và nhiệm vụ của Giám đốc

Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
6. Quyết định lương, phụ cấp, thưởng và các vấn đề liên quan đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
7. Tuyển dụng lao động;
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý trong kinh doanh;
9. Trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên;
10. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
11. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và quản lý của Công ty;
12. Chuẩn bị ngân sách dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty để phục vụ hoạt động kinh doanh;
13. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý nội bộ và quyết định của Hội đồng quản trị;
14. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 51. Bãi nhiệm Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị nhất trí với việc bãi nhiệm đó và bầu một Giám đốc mới thay thế.

Điều 52. Các cán bộ quản lý khác

Theo đề nghị của Giám đốc và sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có số lượng và các loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các hoạt động trong từng thời kỳ.

Điều 53. Chế độ lương, phụ cấp, thưởng của Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

1. Lương, phụ cấp, thưởng và các chế độ khác của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Lương, phụ cấp, thưởng và các chế độ khác của những cán bộ quản lý, điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

D. BAN KIỂM SOÁT

Điều 54. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát có ba thành viên trong đó có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ bầu. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này có quyền đề cử người để Đại hội đồng cổ đông bầu vào Ban kiểm soát.
3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát
 - 3.1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và kéo dài thêm chín mươi ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.
 - 3.2. Trong nhiệm kỳ của mình, thành viên Ban kiểm soát nếu có khiếm khuyết thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

Điều 55. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty;

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.
5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 56. Trưởng ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát bầu Trưởng ban kiểm soát trong số các thành viên Ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông của Công ty.
2. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - 2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát;
 - 2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và Chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát;
 - 2.3. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Trường hợp Trưởng ban kiểm soát vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Ban kiểm soát có thể chỉ định một thành viên Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của Trưởng ban.

Điều 57. Thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn sau đây:

- 1.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - 1.2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - 1.3. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý từ cấp phó các phòng, xí nghiệp của Công ty trở lên. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - 2.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 của Điều này;
 - 2.2. Có đơn xin từ chức;
 - 2.3. Buộc phải chấm dứt tư cách thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Ban kiểm soát;
 - 2.4. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình liên tục trong sáu tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 2.5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền sau đây:
 - 3.1. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
 - 3.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 3.3. Được nhận thù lao cho công việc mà họ thực hiện với tư cách là thành viên Ban kiểm soát; và các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 3.4. Được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi hợp lý khác liên quan tới việc thực hiện trách nhiệm của của thành viên Ban kiểm soát;
4. Thành viên Ban kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:
 - 4.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - 4.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, của cổ đông của Công ty;

4.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

E. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 58. Nghĩa vụ của người quản lý

1. Nghĩa vụ cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty có nghĩa vụ thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn cán, vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.

2. Nghĩa vụ trung thành và tránh các xung đột lợi ích

2.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản và những cơ hội kinh doanh của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác và không được sử dụng những thông tin có được bởi chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ mâu thuẫn lợi ích tiềm tàng nào mà họ có thể có ở các pháp nhân, các giao dịch hay các cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 59. Các hợp đồng, giao dịch liên quan đến sự mâu thuẫn về lợi ích phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Các hợp đồng, giao dịch liên quan đến sự mâu thuẫn về lợi ích giữa Công ty và các cổ đông quan trọng trong công ty bao gồm các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng sau:

1.1 Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty;

1.2 Những người có liên quan của các đối tượng tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này;

1.3 Doanh nghiệp do những đối tượng tại điểm 1.1 và 1.2 khoản 1 Điều này có sở hữu phân vốn góp hoặc cổ phần.

2. Quy định về việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch liên quan đến khoản 1 Điều này như sau:

- 2.1 Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty: phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký.

Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Cổ đông liên quan hoặc cổ đông có người liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

- 2.2 Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty: phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký.

Giám đốc phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời gian mười lăm ngày kể từ ngày niêm yết thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Hợp đồng, giao dịch liên quan đến khoản 1 Điều này bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 của Điều này. Giám đốc Công ty và những người có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN, TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 60. Chế độ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo

1. Công khai thông tin

- 1.1. Công ty có nghĩa vụ thực hiện chế độ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- 1.2. Bất kỳ cổ đông nào, với tư cách cá nhân hoặc thông qua luật sư hay người được ủy quyền (trong trường hợp này phải có văn bản ủy quyền), đưa yêu cầu bằng văn bản gửi tới trụ sở chính của Công ty, đều có quyền thăm tra danh sách cổ đông và các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và sao chép hoặc trích lục các hồ sơ đó. Chi phí sao chép, trích lục do cổ đông có yêu cầu chịu.

2. Báo cáo hàng năm

- 2.1. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi các cơ quan chức năng có thẩm quyền báo cáo tài chính và báo cáo tình hình hoạt động trong năm theo quy định của pháp luật.
- 2.2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.
- 2.3. Công ty phát hành ấn phẩm báo cáo thường niên theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 61. Chế độ lưu giữ tài liệu

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau:

- 1.1. Điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quy chế quản lý nội bộ; sổ đăng ký cổ đông;
- 1.2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; các giấy tờ khác được các cơ quan có thẩm quyền cấp;
- 1.3. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty
- 1.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quyết định đã được thông qua;
- 1.5. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
- 1.6. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
- 1.7. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và các cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 63. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán mà Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 64. Kiểm toán và kiểm tra Công ty

1. Kiểm toán

1.1. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật để tiến hành các hoạt động kiểm toán theo những điều khoản và điều kiện thỏa thuận giữa Công ty kiểm toán đó và Hội đồng quản trị.

1.2. Công ty kiểm toán độc lập được chỉ định sẽ kiểm tra, xác định trên cơ sở báo cáo tài chính năm của Công ty, báo cáo Hội đồng quản trị trong vòng sáu mươi ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Quyền thẩm tra cuối cùng

Công ty chịu sự thẩm tra cuối cùng trước pháp luật. Sự thẩm tra này bao gồm việc thẩm tra các báo cáo và quyết toán tài chính hàng năm, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc thẩm tra này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 65. Phân phối lợi nhuận

1. Việc trích lập các quỹ

1.1. Các quỹ của Công ty gồm:

- Quỹ dự phòng tài chính
- Quỹ phát triển sản xuất
- Quỹ khen thưởng phúc lợi
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành
- Các quỹ khác theo quy định hiện hành của Nhà nước

1.2. Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở phương án đề xuất của Hội đồng quản trị.

2. Trả cổ tức

2.1. Theo quy định và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lãi ròng của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham vấn các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

2.2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

- 2.3. Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt, séc, lệnh trả tiền chuyển qua đường bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, chuyển khoản ngân hàng và các hình thức khác được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 2.4. Trên cơ sở chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể tuyên bố việc chi trả cổ tức bằng các cổ phần phổ thông phát hành mới hay cổ phiếu quỹ của Công ty để phục vụ cho mục đích đầu tư và phát triển của công ty.
- 2.5. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người được nhận cổ tức.

Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ sẽ được quy định tại các quy chế nội bộ. Hội đồng quản trị có quyền quyết định cuối cùng đối với các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và của các cán bộ quản lý, kể cả đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Giám đốc. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định cuối cùng đối với các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.
2. Tất cả các bên phải nỗ lực giải quyết mâu thuẫn bằng đàm phán, hòa giải theo các quy chế nội bộ. Các thủ tục giải quyết tranh chấp do Công ty quy định phải được áp dụng trước khi yêu cầu trọng tài hoặc tòa án giải quyết.
3. Chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp nội bộ theo thủ tục mà Công ty quy định trong quy chế nội bộ sẽ do Công ty chịu.
4. Chi phí giải quyết tranh chấp nội bộ của Công ty theo thủ tục tòa án và trọng tài sẽ do bên thua trong vụ việc đó chịu.

Điều 67. Công nhân viên và công đoàn

Theo quy định của pháp luật và với sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị, Giám đốc phải ban hành quy định liên quan đến tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, xử phạt đối với các nhân viên của Công ty cũng như những vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức công đoàn.

CHƯƠNG V

GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

Điều 68. Giải thể công ty

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- 1.1. Khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn;
 - 1.2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.3. Công ty không đủ số cổ đông tối thiểu là ba người trong thời gian sáu tháng liên tục;
 - 1.4. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Thanh lý công ty
- 2.1. Ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý Công ty bao gồm ba thành viên, trong đó hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định trong số các nhân viên của Công ty hoặc người bên ngoài Công ty và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý phải chuẩn bị quy chế hoạt động của Ban.
 - 2.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm báo cáo đó, ban thanh lý sẽ thay mặt cho Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến việc thanh lý Công ty trước bên thứ ba, tòa án và các cơ quan hành chính.
 - 2.3. Tiền thu được từ việc thanh lý Công ty sẽ được thanh toán theo trình tự sau:
 - 2.3.1. Các chi phí thanh lý Công ty;
 - 2.3.2. Tiền lương, chi phí bảo hiểm cho cán bộ và nhân viên của Công ty;
 - 2.3.3. Các khoản thuế và phí mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - 2.3.4. Các khoản nợ;
 - 2.3.5. Các trách nhiệm khác của Công ty;
 - 2.3.6. Khoản còn lại sau khi đã thanh toán các khoản theo quy định từ Điểm 2.3.1 đến Điểm 2.3.5 khoản 2 Điều này sẽ được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ.

Điều 69. Phá sản

Việc phá sản Công ty sẽ được giải quyết theo các quy định của pháp luật.

Điều 70. Tổ chức lại Công ty

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 71. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Điều lệ của Công ty sẽ phải được lập bằng văn bản, do Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 65% số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tại Đại hội.
2. Bất kỳ điều khoản nào không được quy định trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật liên quan của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Điều 72. Hiệu lực và chữ ký

1. Điều lệ này được thông qua ngày 18 tháng 04 năm 2007 và có hiệu lực kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Điều lệ này gồm 06 chương, 72 điều, được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, trong đó: 06 bản đăng ký tại các cơ quan quản lý của Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, 04 bản lưu tại Công ty.
3. Các bản trích, bản sao Điều lệ này phải có chữ ký của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị và đóng dấu mới có giá trị.

Điều lệ này đã được đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 04 năm 2007 nhất trí thông qua./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm Việt Dũng

Phạm Văn Hiền

Nguyễn Văn Lân

Phạm Ngọc Tiên

Lê Văn Hòa

